BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 2123 /QĐ-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Tiêu chuẩn Quốc gia

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố 53 Tiêu chuẩn quốc gia sau đây:

1.	TCVN 5181 : 1990	Thiết bị nén khí – Yêu cầu chung về an toàn
2.	TCVN 6290 : 1997 ISO 10463 : 1993	Chai chứa khí – Chai chứa các khí vĩnh cửu – Kiểm tra tại thời điểm nạp khí
3.	TCVN 6291 : 1997 ISO 448 : 1981	Chai chứa khí – Chai chứa khí dùng trong công nghiệp – Ghi nhãn để nhận biết khí chứa
4.	TCVN 6292 : 1997 ISO 4706 : 1989	Chai chứa khí – Chai chứa khí bằng thép hàn có thể nạp lại
5.	TCVN 6293 : 1997 ISO 32 : 1977	Chai chứa khí – Chai chứa khí dùng trong y tế - Ghi nhãn để nhận biết khí chứa
6.	TCVN 6295 : 1997 ISO/TR 13763 : 1994	Chai chứa khí – Chai chứa khí không hàn – Tiêu chuẩn an toàn và đặc tính
7.	TCVN 6304 : 1997	Chai chứa khí đốt hóa lỏng – Yêu cầu an toàn trong bảo quản, xếp dỡ và vận chuyển
8.	TCVN 6484 : 1999	Khí đốt hóa lỏng (LPG) – Xe bồn vận chuyển – Yêu cầu an toàn về thiết kế, chế tạo và sử dụng

9.	TCVN 6485 : 1999	Khí đốt hóa lỏng (LPG) – Nạp khí vào chai có dung tích nước đến 150 lít – Yêu cầu an toàn
10.	TCVN 6486 : 1999	Khí đốt hóa lỏng (LPG) – Tồn chứa dưới áp suất – Vị trí, thiết kế, dung lượng và lắp đặt
11.	TCVN 6549 : 1999 ISO 11621 : 1997	Chai chứa khí – Quy trình thay đổi khí chứa
12.	TCVN 5753 : 1993	Đồng - Mác
13.	TCVN 5915 : 1995 ISO 1554 : 1976	Hợp kim đồng đúc và gia công áp lực – Xác định hàm lượng đồng - Phương pháp điện phân
14.	TCVN 5916 : 1995 ISO 1810 : 1976	Hợp kim đồng – Xác định hàm lượng niken (hàm lượng thấp) – Phương pháp quang phổ Dimethylglyoxime
15.	TCVN 5917 : 1995 ISO 1812 : 1976	Hợp kim đồng – Xác định hàm lượng sắt – Phương pháp quang phổ 1,10 – Phenanthroline
16.	TCVN 5918 : 1995 ISO 2543 : 1973	Đồng và hợp kim đồng – Xác định hàm lượng mangan – Phương pháp quang phổ
17.	TCVN 5919 : 1995 ISO 3110 : 1975	Hợp kim đồng – Xác định hàm lượng nhôm là nguyên tố hợp kim – Phương pháp thể tích
18.	TCVN 5920 : 1995 ISO 3112 : 1975	Đồng và hợp kim đồng – Xác định hàm lượng chì – Phương pháp chuẩn độ chiết
19.	TCVN 5921 : 1995 ISO 3220 : 1975	Đồng và hợp kim đồng – Xác định hàm lượng asen – Phương pháp trắc quang
20.	TCVN 5922 : 1995 ISO 3488 : 1982	Đồng và hợp kim đồng gia công áp lực – Thanh tròn, vuông và sáu cạnh được ép đùn – Kích thước và sai lệch
21.	TCVN 5923 : 1995 ISO 4740 : 1985	Đồng và hợp kim đồng – Xác định hàm lượng kẽm – Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa
22.	TCVN 5924 : 1995 ISO 4741 : 1984	Đồng và hợp kim đồng – Xác định hàm lượng phốt pho – Phương pháp quang phổ molipdovanadat
23.	TCVN 5925 : 1995 ISO 4744 : 1984	Đồng và hợp kim đồng – Xác định hàm lượng crôm – Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa
24.	TCVN 5838 : 1994	Nhôm và hợp kim nhôm – Thanh, thỏi, ống và profin – Yêu cầu kỹ thuật chung

25.	TCVN 5839 : 1994	Nhôm và hợp kim nhôm – Thanh, thỏi, ống và profin – Tính chất cơ lý
26.	TCVN 5840 : 1994	Nhôm và hợp kim nhôm – Dạng thanh hình chữ nhật – Sai lệch kích thước và hình dạng
27.	TCVN 5841 : 1994	Nhôm và hợp kim nhôm – Dạng profin – Sai lệch kích thước và hình dạng
28.	TCVN 5842 : 1994	Nhôm và hợp kim nhôm – Dạng thanh hình tròn, vuông, sáu cạnh – Sai lệch kích thước và hình dạng
29.	TCVN 5910 : 1995 ISO 209-1 : 1989	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực – Thành phần hóa học và dạng sản phẩm Phần 1: Thành phần hóa học
30.	TCVN 5911 : 1995 ISO 795 : 1976	Nhôm và hợp kim nhôm – Xác định hàm lượng đồng – Phương pháp trắc quang oxalyldihyđrazit
31.	TCVN 5912 : 1995 ISO 886 : 1973	Nhôm và hợp kim nhôm – Xác định hàm lượng mangan – Phương pháp trắc quang (Hàm lượng mangan từ 0,005 % đến 1,5 %)
32.	TCVN 5913 : 1995 ISO 1118 : 1978	Nhôm và hợp kim nhôm – Xác định hàm lượng titan – Phương pháp quang phổ axit cromotropic
33.	TCVN 5914 : 1995 ISO 5194 : 1981	Nhôm và hợp kim nhôm – Xác định hàm lượng kẽm – Phương pháp hấp thụ nguyên tử ngọn lửa
34.	TCVN 5398 : 1991	Vàng – Phương pháp phân tích phát xạ nguyên tử
35.	TCVN 5399 : 1991	Vàng – Phương pháp phân tích hấp thụ nguyên tử
36.	TCVN 5543 : 1991	Mẫu của hợp kim vàng – Định nghĩa, bảng mẫu và ký hiệu
37.	TCVN 5545 : 1991	Vàng và hợp kim vàng – Phương pháp thử tỷ trọng
38.	TCVN 5546 : 1991	Vàng và hợp kim vàng – Phương pháp thử lửa
39.	TCVN 5547 : 1991	Hợp kim vàng – Phương pháp xác định hàm lượng vàng và bạc
40.	TCVN 5548 : 1991	Hợp kim vàng – Phương pháp hấp thụ nguyên tử xác định hàm lượng bismut, antimon, chì và sắt
41.	TCVN 5632 : 1991	Vàng và hợp kim vàng – Phương pháp thử trên đá
42.	TCVN 2052 : 1993	Thiếc – Yêu cầu kỹ thuật

43.	TCVN 2172 : 1987	Thiếc – Yêu cầu chung đối với phương pháp phân tích
44.	TCVN 2173 : 1987	Thiếc – Phương pháp xác định hàm lượng sắt
45.	TCVN 2174 : 1987	Thiếc – Phương pháp xác định hàm lượng nhôm
46.	TCVN 2175 : 1987	Thiếc – Phương pháp xác định hàm lượng antimon
47.	TCVN 2176 : 1987	Thiếc – Phương pháp xác định hàm lượng asen
48.	TCVN 2177 : 1987	Thiếc – Phương pháp xác định hàm lượng đồng
49.	TCVN 2178 : 1987	Thiếc – Phương pháp xác định hàm lượng kẽm
50.	TCVN 2179 : 1987	Thiếc – Phương pháp xác định hàm lượng bitmut
51.	TCVN 2180 : 1987	Thiếc – Phương pháp xác định hàm lượng chì
52.	TCVN 2181 : 1987	Thiếc – Phương pháp xác định hàm lượng lưu huỳnh
53.	TCVN 2182 : 1987	Thiếc – Phương pháp phân tích quang phổ xác định hàm lượng bitmut, sắt, đồng, chì, antimon và asen

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Tổng cục TĐC;
- Lưu VT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Thắng